Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ160,800
Tiềm năng tăng/giảm: 10.8%

Giá cổ phiếu (đồng) (14/1/2025)	145,100
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	81,476-152,500
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	146,667
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	213,452
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	8,407
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,471
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	721
Slg CP NN được mua (tr.đv)	40.9
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	46.2%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá

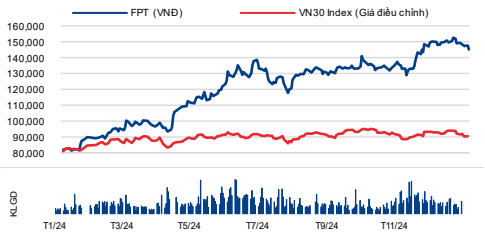

Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-23A	12-24F	12-25F
DT thuần (tỷ đồng)	52,618	61,607	73,621
EBITDA đc (tỷ đồng)	10,738	12,967	15,893
LNTT (tỷ đồng)	9,203	11,095	13,712
LNT ĐC (tỷ đồng)	6,449	7,867	9,939
FCF (tỷ đồng)	5,539	5,136	6,884
EPS ĐC (đồng)	4,661	4,878	6,162
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500
BVPS (đồng)	19,665	19,928	23,590
T.trưởng EBITDA (%)	24.5	20.8	22.6
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.24	4.66	26.3
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	21.0	21.6
Tỷ suất LNTT (%)	17.5	18.0	18.6
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.3	12.8	13.5
Tỷ lệ LN trả CT (%)	42.9	41.0	40.6
Nợ thuần/VCSH (%)	25.5	21.5	15.7
ROAE (%)	28.1	29.1	31.1
ROACE (%)	29.3	30.9	31.6
EV/doanh thu (lần)	3.61	3.56	2.96
EV/EBITDA ĐC (lần)	17.7	16.9	13.7
P/E ĐC (lần)	31.1	29.7	23.5
P/B (lần)	7.38	7.28	6.15
Lợi suất cổ tức (%)	1.38	1.38	1.72

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA
Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA
Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp &
nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Tầm nhìn đến năm 2030: Xây dựng 5 nhà máy AI trên toàn cầu

- Ngày 15/1/2025, tại Diễn đàn Quốc gia về Phát triển Doanh nghiệp Công nghệ số (VFTE), Chủ tịch FPT Trương Gia Bình đã cam kết đầu tư vào 5 công nghệ chủ chốt (AI, bán dẫn, ô tô, chuyển đổi số và chuyển đổi xanh), nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng.
- FPT đặt mục tiêu vận hành 5 nhà máy AI trên toàn cầu vào năm 2030 với các cơ sở tại Việt Nam và Nhật Bản đi vào hoạt động thương mại từ cuối năm 2024. Việc mở rộng này có thể giúp giảm thiểu rủi ro liên quan đến các hạn chế gần đây của Mỹ về xuất khẩu chip tiên tiến.
- HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng với giá mục tiêu 160.800đ (tiềm năng tăng giá 11%).

Sự kiện: Kế hoạch mở rộng nhà máy AI

Ngày 15/1/2025, tại Diễn đàn Quốc gia về Phát triển Doanh nghiệp Công nghệ số (VFTE), Chủ tịch FPT Trương Gia Bình đã cam kết đầu tư vào các công nghệ chủ chốt (trí tuệ nhân tạo (AI), bán dẫn, ô tô, chuyển đổi số (CĐS), và chuyển đổi xanh), nguồn nhân lực và CSHT. Chi tiết như sau:

Ba trụ cột chính hỗ trợ cho tầm nhìn 2030

Tại sự kiện VFTE, FPT cũng đưa ra ba cam kết:

FPT sẽ đầu tư vào 5 công nghệ chủ chốt: AI, bán dẫn, công nghệ ô tô, CĐS và chuyển đổi xanh. FPT sẽ nỗ lực phát triển chip AI, tập trung vào phát triển phần mềm ô tô, vì công nghệ ô tô đang chuyển đổi từ cơ khí sang điều khiển bằng phần mềm. FPT đang hợp tác với các tập đoàn ô tô ở Mỹ, châu Âu, v.v... FPT đang tham gia vào CĐS, chuyển đổi xanh và chuyển đổi AI cho các ngành nghề, địa phương, cũng như cho giáo dục và y tế.

Về nguồn nhân lực, FPT hiện có 12.000 kỹ sư AI và đã đạt được gần 10.000 chứng chỉ NVIDIA trong thời gian ngắn. FPT cam kết đào tạo 10.000 kỹ sư bán dẫn và 50.000 kỹ sư AI cho đến năm 2030 và tham gia đào tạo lại nửa triệu kỹ sư ngành CNTT về AI.

FPT cam kết đầu tư vào CSHT. FPT đã xây dựng thành công 2 nhà máy tại Việt Nam và Nhật Bản trong năm 2024. Trong vòng 5 năm, cho đến năm 2030, FPT sẽ xây dựng tổng cộng 5 nhà máy AI trên toàn cầu, góp phần đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia cung cấp CSHT điện toán AI hàng đầu khu vực. HSC coi đây là một chiến lược quan trọng để giảm thiểu rủi ro liên quan đến việc Mỹ gần đây đưa ra các quy định hạn chế xuất khẩu chip tiên tiến.

Quy định mới của Mỹ về hạn chế xuất khẩu chip tiên tiến

Chính quyền của Tổng thống Biden vừa đưa ra một quy định mới về việc hạn chế xuất khẩu chip tiên tiến, điều này có thể gây ra rủi ro cho việc mở rộng mạng lưới trung tâm dữ liệu và ứng dụng AI trên toàn cầu. Cụ thể như sau:

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 15/1.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: Ước tính KQKD Q4/2024, FPT

HSC dự báo lợi nhuận thuần Q4/2024 sẽ tăng 23% so với cùng kỳ & tăng 2% so với quý trước

Tỷ đồng	Q4/24F	% so với cùng kỳ	% so với quý trước	2024F	Tăng trưởng
Doanh thu	16,366	11.4%	2.9%	61,607	17.1%
LNTT	2,984	22.5%	2.6%	11,095	20.6%
Lợi nhuận thuần	2,125	23.0%	1.8%	7,886	21.9%
Tỷ suất lợi nhuận thuần	13.0%			12.8%	

Nguồn: HSC

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Theo như nghiên cứu của chúng tôi, các quốc gia sẽ được phân loại thành ba nhóm:

- Không hạn chế xuất khẩu đối với các nước thân cận với Mỹ (ví dụ: Nhật Bản, Hàn Quốc).
- Xuất khẩu hạn chế với mức trần (ví dụ: các nước ASEAN).
- Không cho phép xuất khẩu (ví dụ: Trung Quốc, Nga, Iran).

HSC cho rằng Việt Nam rất có thể sẽ rơi vào nhóm thứ hai, nghĩa là việc xuất khẩu sẽ được cho phép nhưng phải chịu những hạn chế nhất định. Đối với FPT, nếu quy định này có hiệu lực, nó có thể ảnh hưởng tiêu cực đến việc nhập khẩu chip của Mỹ vào Việt Nam, và có khả năng ảnh hưởng đến kế hoạch mở rộng trung tâm dữ liệu của FPT. Tuy nhiên, việc đa dạng hóa thông qua Nhà máy AI Nhật Bản sẽ giúp giảm thiểu rủi ro này vì theo quy định mới Nhật Bản vẫn sẽ được nhập khẩu chip của Mỹ không giới hạn.

Ngoài ra, chính sách này có thể thay đổi dưới thời chính quyền Trump sắp tới, tạo cơ hội cho việc điều chỉnh hoặc sửa đổi thêm.

Mặc dù những thay đổi này có thể gây ra tác động nhưng HSC dự báo tác động đó vẫn sẽ nằm trong tầm kiểm soát. Kế hoạch xây dựng thêm ba nhà máy AI trên toàn cầu của FPT sẽ tiếp tục giúp Công ty đa dạng hóa hoạt động và giảm thiểu rủi ro.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu

Về KQKD, HSC dự báo LNTT và lợi nhuận thuần Q4/2024 đạt lần lượt 2.984 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ và 3% so với quý trước) và 2.125 tỷ đồng (tăng 23% so với cùng kỳ và 2% so với quý trước). Nếu FPT đạt được kết quả này, LNTT và lợi nhuận thuần năm 2024 đạt lần lượt 11.095 tỷ đồng (tăng trưởng 21%) và 7.886 tỷ đồng (tăng trưởng 22%).

Cho năm 2025, chúng tôi giữ nguyên dự báo lợi nhuận với lợi nhuận thuần tăng trưởng 26% đạt 9.962 tỷ đồng, dựa trên sự tăng trưởng mạnh mẽ hơn nữa từ phân khúc dịch vụ CNTT nước ngoài và đóng góp mới từ nhà máy AI.

FPT đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 23,5 lần, cao hơn bình quân 3 năm ở mức 17,2 lần nhưng vẫn thấp hơn so với các công ty cùng ngành ở mức 25,2 lần. Với triển vọng lợi nhuận tích cực, HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng đối với FPT với giá mục tiêu không đổi là 160.800đ (tiềm năng tăng giá 11%) vì FPT có vị thế tốt để hưởng lợi từ các xu hướng công nghệ chủ chốt.

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HĐKD (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Doanh thu	44,010	52,618	61,607	73,621	89,749
Lợi nhuận gộp	17,167	20,320	24,004	29,082	35,701
Chi phí BH&QL	(10,373)	(11,868)	(13,687)	(16,598)	(20,043)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	**6,795**	**8,452**	**10,317**	**12,484**	**15,659**
Lãi vay thuần	311	618	278	522	591
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	484	42.3	394	578	696
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	73.0	91.3	107	128	156
LNTT	**7,662**	**9,203**	**11,095**	**13,712**	**17,102**
Chi phí thuế TNDN	(1,171)	(1,415)	(1,652)	(2,023)	(2,503)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,181)	(1,323)	(1,557)	(1,727)	(1,913)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	**5,310**	**6,465**	**7,886**	**9,962**	**12,686**
Lợi nhuận thuần ĐC	**5,297**	**6,449**	**7,867**	**9,939**	**12,658**
EBITDA ĐC	**8,628**	**10,738**	**12,967**	**15,893**	**19,756**
EPS (đồng)	4,429	4,661	4,878	6,162	7,847
EPS ĐC (đồng)	4,429	4,661	4,878	6,162	7,847
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,000	2,500	2,500
Slg CP bình quân (triệu đv)	1,095	1,267	1,471	1,471	1,471
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,471	1,471	1,471
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,097	1,270	1,471	1,471	1,471

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
EBIT	6,795	8,452	10,317	12,484	15,659
Khấu hao	(1,833)	(2,287)	(2,650)	(3,409)	(4,097)
Lãi vay thuần	311	618	278	522	591
Thuế TNDN đã nộp	(1,171)	(1,415)	(1,652)	(2,023)	(2,503)
Thay đổi vốn lưu động	(1,781)	678	(1,870)	(1,599)	(2,146)
Khác	(933)	(1,102)	(397)	(701)	(569)
LCT thuần từ HĐKD	**5,054**	**9,517**	**9,327**	**12,092**	**15,130**
Đầu tư TS dài hạn	(3,215)	(3,978)	(4,191)	(5,208)	(5,271)
Góp vốn & đầu tư	(33,552)	(35,290)	(3,326)	(3,976)	(4,754)
Thanh lý	40,731	30,582	0	0	0
Khác	1,794	2,137	1,317	1,754	2,045
LCT thuần từ HĐĐT	**5,757**	**(6,548)**	**(6,200)**	**(7,430)**	**(7,981)**
Cổ tức trả cho CSH	(2,222)	(2,931)	(2,942)	(3,678)	(3,678)
Thu từ phát hành CP	77.0	73.1	0	0	0
Tăng/giảm nợ	(7,620)	1,719	1,340	3,284	2,076
Khác	(8.38)	(30.2)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	**(9,773)**	**(1,168)**	**(1,603)**	**(394)**	**(1,602)**
Tiền & tương đương tiền đầu kì	5,418	6,440	8,279	9,803	14,072
LCT thuần trong kỳ	**1,038**	**1,800**	**1,524**	**4,268**	**5,547**
Ảnh hưởng của tỷ giá	(15.4)	38.6	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	**6,440**	**8,279**	**9,803**	**14,072**	**19,619**
Dòng tiền tự do	**1,839**	**5,539**	**5,136**	**6,884**	**9,858**

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Tiền & tương đương tiền	6,440	8,279	9,803	14,072	19,619
Đầu tư ngắn hạn	13,047	16,104	19,325	23,190	27,828
Phải thu khách hàng	8,503	9,674	11,274	13,473	16,424
Hàng tồn kho	1,966	1,593	2,156	2,577	3,141
Các tài sản ngắn hạn khác	982	1,055	1,232	1,472	1,795
Tổng tài sản ngắn hạn	**30,938**	**36,706**	**43,791**	**54,783**	**68,807**
TSCĐ hữu hình	11,776	13,697	14,720	16,208	17,040
TSCĐ vô hình	1,287	1,257	1,405	1,312	1,163
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,033	1,227	923	1,022	1,126
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,206	2,108	2,213	2,324	2,440
Tài sản dài hạn khác	4,411	5,288	5,872	6,414	7,254
Tổng tài sản dài hạn	**20,713**	**23,577**	**25,132**	**27,279**	**29,023**
Tổng cộng tài sản	**51,650**	**60,283**	**68,923**	**82,063**	**97,830**
Nợ ngắn hạn	10,904	13,838	14,786	17,669	19,745
Phả trả người bán	3,209	2,603	3,080	3,681	4,487
Nợ ngắn hạn khác	9,246	11,176	12,641	15,106	18,416
Tổng nợ ngắn hạn	**24,521**	**29,652**	**32,772**	**39,163**	**45,947**
Nợ dài hạn	1,478	208	600	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	149	246	330	396	475
Nợ dài hạn khác	143	175	204	243	297
Tổng nợ dài hạn	**1,770**	**629**	**1,134**	**1,639**	**1,772**
Tổng nợ phải trả	**26,294**	**30,350**	**33,905**	**40,802**	**47,719**
Vốn chủ sở hữu	21,046	24,974	29,315	34,702	42,569
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,310	4,959	5,703	6,558	7,542
Tổng vốn chủ sở hữu	**25,356**	**29,933**	**35,017**	**41,260**	**50,111**
Tổng nợ phải trả và VCSH	**51,650**	**60,283**	**68,923**	**82,063**	**97,830**
BVPS (đ)	19,185	19,665	19,928	23,590	28,937
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,942	5,767	5,582	4,598	1,126

Các chỉ số tài chính	12-22A	12-23A	12-24F	12-25F	12-26F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	39.0	38.6	39.0	39.5	39.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	19.6	20.4	21.0	21.6	22.0
Tỷ suất LNT (%)	12.1	12.3	12.8	13.5	14.1
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.3	15.4	14.9	14.8	14.6
Tăng trưởng doanh thu (%)	23.4	19.6	17.1	19.5	21.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	22.2	24.5	20.8	22.6	24.3
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	22.7	21.7	22.0	26.3	27.4
Tăng trưởng EPS (%)	(13.6)	5.24	4.66	26.3	27.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	(13.6)	5.24	4.66	26.3	27.3
Tăng trưởng DPS (%)	(25.9)	0	0	25.0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	45.2	42.9	41.0	40.6	31.9
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	27.2	28.1	29.1	31.1	32.8
ROACE (%)	26.6	29.3	30.9	31.6	33.0
Vòng quay tài sản (lần)	0.84	0.94	0.95	0.98	1.00
Tiềm mặt HĐ/EBIT (lần)	0.74	1.13	0.90	0.97	0.97
Số ngày tồn kho	26.7	18.0	20.9	21.1	21.2
Số ngày phải thu	116	109	109	110	111
Số ngày phải trả	43.6	29.4	29.9	30.2	30.3
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	30.6	25.5	21.5	15.7	5.13
Nợ/tài sản (%)	24.9	24.3	23.4	23.8	22.3
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.49	1.36	1.24	1.23	1.10
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.26	1.24	1.34	1.40	1.50
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.75	3.61	3.56	2.96	2.39
EV/EBITDA ĐC (lần)	19.1	17.7	16.9	13.7	10.9
P/E (lần)	32.8	31.1	29.7	23.5	18.5
P/E ĐC (lần)	32.8	31.1	29.7	23.5	18.5
P/B (lần)	7.56	7.38	7.28	6.15	5.01
Lợi suất cổ tức (%)	1.38	1.38	1.38	1.72	1.72

*Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.*
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH
Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI
Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

Xin vui lòng xem nội dung chi tiết về xung đột lợi ích và khuyến cáo cuối báo cáo này

Document downloaded by Toan nt (Techcombank)